

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN PHÚ GIÁO  
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 74/2019/HS-ST  
Ngày 20/11/2019

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ GIÁO, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Bùi Văn Quế.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Kim Niệm;

Ông Phạm Xuân Hòa.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trịnh Thu Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Đình Tuyên - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm, công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 72/2019/TLST-HS ngày 08 tháng 10 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 71/2019/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 11 năm 2019 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Thành L** (tên gọi khác **Tài**), sinh năm 1988 tại ĐL; nơi cư trú: Thôn 3, xã E, huyện K, tỉnh ĐL; nghề nghiệp: Cho vay lãi; trình độ văn hoá: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Bá T và bà Kiều Thị X. Bị cáo có vợ tên Trần Thị Hồng Đ, sinh năm 1989; có 03 người con, lớn nhất sinh năm 2012, nhỏ nhất sinh năm 2017; tiền án: Không; tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp tạm giữ, tạm giam từ ngày 05/7/2019 đến ngày 14/7/2019 được áp dụng biện pháp cho bảo lãnh.

Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1975; nơi cư trú: Ấp V, xã VH, huyện P, tỉnh BD. (Vắng mặt)

2. Bà Châu Thị B, sinh năm 1975; nơi cư trú: Kp 5, thị trấn P, huyện P, tỉnh BD. (Vắng mặt)

3. Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1970; nơi cư trú: Ấp V, xã VH, huyện P, tỉnh BD. (Vắng mặt)

4. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1975; nơi cư trú: Kp3, thị trấn PV, huyện PG, tỉnh BD. (Có đơn xin vắng mặt)

5. Bà Võ Thị H, sinh năm 1987; nơi cư trú: Ấp V, xã VH, huyện P, tỉnh BD. (Vắng mặt)

6. Bà Nguyễn Thị Ng, sinh năm 1962; nơi cư trú: Ấp 1B, xã P, huyện P, tỉnh BD. (Vắng mặt)

7. Bà Trần Thị Thúy Ph, sinh năm 1981; nơi cư trú: Kp 4, thị trấn PV, huyện P, tỉnh BD. (Vắng mặt)

8. Bà Trần Thị H, sinh năm 1954; nơi cư trú: Ấp T, xã V, huyện P, tỉnh BD. (Vắng mặt)

9. Bà Nguyễn Thị Bạch H, sinh năm 1968; nơi cư trú: Ấp T, xã V, huyện P, tỉnh BD. (Vắng mặt)

10. Ông Trần Văn L, sinh năm 1971; nơi cư trú: Kp 2, thị trấn PV, huyện P, tỉnh BD. (Vắng mặt)

11. Bà Nguyễn Thị Thục V, sinh năm 1979; nơi cư trú: Kp 1, thị trấn PV, huyện P, tỉnh BD. (Vắng mặt)

12. Bà Lê Thị Kim L, sinh năm 1973; nơi cư trú: Ấp T, xã V, huyện P, tỉnh BD. (Vắng mặt)

13. Bà Dương Thị Thùy L, sinh năm 1977; nơi cư trú: Ấp 1A, xã P, huyện P, tỉnh BD. (Vắng mặt)

14. Bà Thân Thị Xuân V, sinh năm 1961; nơi cư trú: Ấp L, xã V, huyện P, tỉnh BD. (Có đơn xin vắng mặt)

15. Bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1963; nơi cư trú: Kp3, thị trấn P, huyện P, tỉnh BD. (Vắng mặt)

16. Bà Lê Thị Phương Th, sinh năm 1991; nơi cư trú: Kp 1, thị trấn PV, huyện P, tỉnh BD. (Vắng mặt)

17. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1965; nơi cư trú: Kp 2, thị trấn PV, huyện P, tỉnh BD. (Vắng mặt)

18. Bà Lê Ngọc D, sinh năm 1969; nơi cư trú: Kp 1, thị trấn PV, huyện P, tỉnh BD. (Vắng mặt)

19. Bà Lê Thị Ngọc D, sinh năm 1974; nơi cư trú: Kp 1, thị trấn PV, huyện P, tỉnh BD. (Vắng mặt)

20. Ông Lê Quang T, sinh năm 1993; nơi cư trú: Ấp V, xã V, huyện P, tỉnh BD. (Vắng mặt)

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng đầu năm 2018, Nguyễn Thành L sử dụng số tiền 100.000.000 đồng để cho người dân vay tiền với lãi suất cao trên địa bàn huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương. L đi rải tờ rơi nội dung “Cho vay trả góp, không cần thế chấp, số điện thoại liên hệ 0384.954.989”, khi cho mọi người vay tiền, L sử dụng tên khác là Tã, L yêu cầu người vay phải photo giấy chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu thường trú dẫn L về biết nhà khi vay tiền của L, người vay không phải thế chấp tài sản, không phải làm thủ tục giấy tờ vay tiền, hàng ngày L đến nhà của người vay hoặc điện thoại cho người vay hẹn gặp để thu tiền gốc và lãi. Đến tháng 4 năm 2018, L thuê đối tượng tên Tấn (không rõ họ tên, địa chỉ) đến huyện Phú Giáo để thu tiền gốc và cho những người có nhu cầu vay tiền. Tấn làm thuê cho L đến tháng 7 năm 2019 thì Tấn bỏ đi đâu không rõ nên L trực tiếp đi thu tiền và cho mọi người vay tiền thì bị lực lượng Công an huyện Phú Giáo phát hiện về hành vi cho vay lãi nặng.

Nguyễn Thành L cho người dân vay tiền hình thức và lãi suất như sau: Vay 3.000.000 đồng trả góp trong 24 ngày, mỗi ngày phải trả 150.000 đồng, số tiền gốc và lãi phải trả là 3.600.000 đồng, thành 25%/tháng tương đương 300%/năm, cao gấp 15 lần của mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Vay 5.000.000 đồng trả góp trong 25 ngày, mỗi ngày 250.000 đồng, số tiền gốc và lãi phải trả là 6.250.000 đồng thành 30%/tháng tương đương 360%/năm, cao gấp 18 lần của mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Vay 7.000.000 đồng trả góp trong 27 ngày, mỗi ngày 300.000 đồng, số tiền gốc và lãi phải trả là 8.100.000 đồng thành 17,4%/tháng tương đương 208,8%/năm, cao gấp 10,44 lần của mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Vay 5.000.000 đồng trả góp trong 30 ngày, mỗi ngày 200.000 đồng, số tiền gốc và lãi phải trả là 6.000.000 đồng, thành 20%/tháng tương đương 240%/năm, cao gấp 12 lần của mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Vay 7.000.000 đồng trả góp trong 40 ngày, mỗi ngày 200.000 đồng, số tiền gốc và lãi phải trả là 8.000.000 đồng, thành 10,7%/tháng tương đương 128,4%/năm, cao gấp 6,42 lần của mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Từ khoảng đầu năm 2018 đến tháng 7 năm 2019, Nguyễn Thành L cho người dân trên địa bàn huyện Phú Giáo vay tổng số tiền là 379.000.000 đồng. Trong đó, bị cáo L đã thu được số tiền 313.400.185 đồng tiền gốc và tổng số tiền lãi là 62.149.815 đồng (lãi hợp pháp theo quy định pháp luật là 4.540.730 đồng, lãi vượt quá quy định pháp luật là 57.609.085 đồng), tiền phí dịch vụ là 22.750.000 đồng. Còn lại tổng số tiền gốc là 65.599.815 đồng L chưa thu được. Cụ thể, L cho những người sau vay:

1. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1975, vay 02 dãy trong thời gian từ tháng 3 năm 2019 đến tháng 6 năm 2019. Cách thức vay, góp như sau: Nếu vay 5.000.000 đồng góp trong vòng 24 ngày, mỗi ngày góp 250.000 đồng, phải trả là 6.000.000 đồng (gốc 5.000.000 đồng, lãi 1.000.000 đồng), nếu vay 3.000.000 đồng góp trong vòng 24 ngày, mỗi ngày góp 150.000 đồng, phải trả 3.600.000 đồng (gốc 3.000.000 đồng, lãi 600.000 đồng). Tổng số tiền bà H vay là 59.000.000 đồng, đã trả tiền gốc là 54.500.000 đồng, nợ gốc là 4.500.000 đồng. Số tiền lãi thu được là 10.900.000 đồng (tiền lãi hợp pháp theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự là 20%/năm (0,0555%/ngày) là 728.120 đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 10.171.880 đồng).

Như vậy, L thu lợi bất chính 13.421.880 đồng (phí 3.250.000 đồng, lãi 10.171.880 đồng).

2. Bà Châu Thị B, sinh năm 1975, vay 02 lần mỗi lần 10.000.000 đồng trong tháng 6 năm 2019 và tháng 7 năm 2019, nếu vay 10.000.000 đồng góp 24 ngày, mỗi ngày 500.000 đồng, phải trả 12.000.000 đồng (gốc 10.000.000 đồng, lãi 2.000.000 đồng), tổng số tiền vay 20.000.000 đồng, đã trả tiền gốc 10.833.333 đồng, nợ gốc 9.166.667 đồng. Số tiền lãi thu được là 2.166.666 đồng (tiền lãi hợp pháp theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự là 20%/năm (0,0555%/ngày) là 144.733 đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 2.021.933 đồng).

Như vậy, L thu lợi bất chính 3.021.933 đồng (phí 1.000.000 đồng, lãi 2.021.933 đồng).

3. Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1970, vay 02 dãy trong thời gian từ tháng 3 năm 2019 đến tháng 6 năm 2019. Cách thức vay, góp như sau: Nếu vay 5.000.000 đồng góp trong vòng 24 ngày, mỗi ngày góp 250.000 đồng, phải trả là 6.000.000 đồng (gốc 5.000.000 đồng, lãi 1.000.000 đồng). Tổng số tiền S vay là 80.000.000 đồng, đã trả tiền gốc là 74.166.667 đồng, nợ gốc là 5.833.333 đồng. Số tiền lãi thu được là 14.833.334 đồng (tiền lãi hợp pháp theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự là 20%/năm (0,0555%/ngày) là 990.867 đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 13.842.467 đồng).

Như vậy, L thu lợi bất chính 21.842.467 đồng (phí 8.000.000 đồng, lãi 13.842.467 đồng).

4. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1975, vay 04 lần, mỗi lần 10.000.000 đồng, thời hạn vay 30 ngày, nếu vay 10.000.000 đồng, mỗi ngày góp 400.000 đồng, phải trả 12.000.000 đồng (gốc 10.000.000 đồng, lãi 2.000.000 đồng). Tổng số tiền vay 40.000.000 đồng, đã trả tiền gốc 36.000.000 đồng, nợ gốc 4.000.000 đồng. Số tiền lãi thu được là 7.200.000 đồng (tiền lãi hợp pháp theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự là 20%/năm (0,0555%/ngày) là 601.200 đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 6.598.800 đồng).

Như vậy, L thu lợi bất chính 8.598.800 đồng (phí 2.000.000 đồng, lãi 6.598.800 đồng).

5. Bà Võ Thị H, sinh năm 1987, vay 02 ḍây trong thời gian từ tháng 3 năm 2019 đến tháng 6 năm 2019, tổng số lần vay 10 lần, mỗi lần vay 5.000.000 đồng g̣p

24 ngày, mỗi ngày 250.000 đồng, phải trả 6.000.000 đồng (gốc 5.000.000 đồng, lãi 1.000.000 đồng), tổng số tiền vay 50.000.000 đồng, đã trả tiền gốc 44.166.667 đồng, nợ gốc 5.833.333 đồng. Số tiền lãi thu được là 8.833.334 đồng (tiền lãi hợp pháp theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự là 20%/năm (0,0555%/ngày) là 590.067 đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 8.243.267 đồng).

Như vậy, L thu lợi bất chính 10.743.267 đồng (phí 2.500.000 đồng, lãi 8.243.267 đồng).

6. Bà Nguyễn Thị Ng, sinh năm 1962, vay số tiền 5.000.000 đồng vào ngày 02/7/2019, vay góp 30 ngày, mỗi ngày 200.000 đồng, phải trả 6.000.000 đồng (gốc 5.000.000 đồng, lãi 1.000.000 đồng), đã trả tiền gốc 333.333 đồng, nợ gốc 4.666.667 đồng. Số tiền lãi thu được là 66.667 đồng (tiền lãi hợp pháp theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự là 20%/năm (0,0555%/ngày) là 5.567 đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 61.100 đồng).

Như vậy, L thu lợi tiền lãi bất chính 61.100 đồng.

7. Bà Trần Thị Thúy Ph, sinh năm 1981, vay 02 lần, mỗi lần 10.000.000 đồng trong tháng 8 năm 2019, thời hạn vay 24 ngày, nếu vay 10.000.000 đồng, mỗi ngày góp 500.000 đồng, phải trả 12.000.000 đồng (gốc 10.000.000 đồng, lãi 2.000.000 đồng). Tổng số tiền vay 20.000.000 đồng, đã trả tiền gốc 16.666.667 đồng, nợ gốc 3.333.333 đồng. Số tiền lãi thu được là 3.333.334 đồng (tiền lãi hợp pháp theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự là 20%/năm (0,0555%/ngày) là 222.667 đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 3.110.667 đồng).

Như vậy, L thu lợi bất chính 4.110.667 đồng (phí 1.000.000 đồng, lãi 3.110.667 đồng).

8. Bà Trần Thị H, sinh năm 1954, vay 02 lần, mỗi lần 5.000.000 đồng trong thời gian tháng 4 năm 2019 và tháng 5 năm 2019 (vay 5.000.000 đồng trả góp 30 ngày, mỗi ngày 200.000 đồng, phải trả 6.000.000 đồng (gốc 5.000.000 đồng, lãi 1.000.000 đồng)), tổng số tiền vay 10.000.000 đồng, đã trả tiền gốc 7.833.333 đồng, nợ gốc 2.166.667 đồng. Số tiền lãi thu được là 1.566.667 đồng (tiền lãi hợp pháp theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự là 20%/năm (0,0555%/ngày) là 130.817 đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 1.435.850 đồng).

Như vậy, L thu lợi bất chính 2.435.850 đồng (phí 1.000.000 đồng, lãi 1.435.850 đồng).

9. Bà Nguyễn Thị Bạch H, sinh năm 1968, vay số tiền 5.000.000 đồng vào ngày 03/7/2019, vay góp 30 ngày, mỗi ngày 200.000 đồng, phải trả 6.000.000 đồng (gốc 5.000.000 đồng, lãi 1.000.000 đồng), đã trả tiền gốc 333.333 đồng, nợ gốc 4.666.667 đồng. Số tiền lãi thu được là 66.667 đồng (tiền lãi hợp pháp theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự là 20%/năm (0,0555%/ngày) là 5.567 đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 61.100 đồng).

Như vậy, L thu lợi tiền lãi bất chính 61.100 đồng.

10. Ông Trần Văn L, sinh năm 1971, vay số tiền 4.000.000 đồng vào tháng 3 năm 2019, vay góp 24 ngày, mỗi ngày 200.000 đồng, phải trả 4.800.000 đồng (gốc 4.000.000 đồng, lãi 800.000 đồng), L không thu tiền phí, đã trả tiền gốc 666.667 đồng, nợ gốc 3.333.333 đồng. Số tiền lãi thu được là 133.334 đồng (tiền lãi hợp pháp theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự là 20%/năm (0,0555%/ngày) là 8.907 đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 124.427 đồng).

Như vậy, L thu lợi tiền lãi bất chính 124.427 đồng.

11. Bà Nguyễn Thị Thục V, sinh năm 1979, vay 02 lần, mỗi lần 7.000.000 đồng (vay 7.000.000 đồng trả góp 40 ngày, mỗi ngày 200.000 đồng, phải trả 8.000.000 đồng (gốc 7.000.000 đồng, lãi 1.000.000 đồng)), tổng số tiền vay là 14.000.000 đồng, L không thu tiền phí, đã trả tiền gốc 14.000.000 đồng. Số tiền lãi thu được là 2.000.000 đồng (tiền lãi hợp pháp theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự là 20%/năm (0,0555%/ngày) là 311.733 đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 1.688.267 đồng).

Như vậy, L thu lợi tiền lãi bất chính 1.688.267 đồng.

12. Bà Lê Thị Kim L, sinh năm 1973, vay số tiền 5.000.000 đồng, trả góp 25 ngày mỗi ngày 250.000 đồng, phải trả 6.250.000 đồng (gốc 5.000.000 đồng, lãi 1.250.000 đồng), đã trả gốc 1.600.000 đồng, nợ gốc 3.400.000 đồng. Số tiền lãi thu được là 400.000 đồng (tiền lãi hợp pháp theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự là 20%/năm (0,0555%/ngày) là 22.267 đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 377.733 đồng).

Như vậy, L thu lợi bất chính 877.733 đồng (phí 500.000 đồng, lãi 377.733 đồng).

13. Bà Dương Thị Thùy L, sinh năm 1977, vay số tiền 5.000.000 đồng, trả góp 30 ngày mỗi ngày 200.000 đồng, phải trả 6.000.000 đồng (gốc 5.000.000 đồng, lãi 1.000.000 đồng), đã trả gốc 1.333.333 đồng, nợ gốc 3.666.667 đồng. Số tiền lãi thu được là 266.667 đồng (tiền lãi hợp pháp theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự là 20%/năm (0,0555%/ngày) là 22.267 đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 244.400 đồng).

Như vậy, L thu lợi bất chính 644.400 đồng (phí 400.000 đồng, lãi 244.400 đồng).

14. Bà Thân Thị Xuân V, sinh năm 1961, vay số tiền 4.000.000 đồng vào ngày 02/5/2018, trả góp 25 ngày mỗi ngày 200.000 đồng, phải trả 5.000.000 đồng (gốc 4.000.000 đồng, lãi 1.000.000 đồng), đã trả gốc là 640.000 đồng, nợ gốc 3.360.000 đồng. Số tiền lãi thu được là 160.000 đồng (tiền lãi hợp pháp theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự là 20%/năm (0,0555%/ngày) là 8.907 đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 151.093 đồng).

Như vậy, L thu lợi bất chính 551.093 đồng (phí 400.000 đồng, lãi 151.093 đồng).

15. Bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1963, vay số tiền 5.000.000 đồng vào tháng 5 năm 2018, trả góp 24 ngày, mỗi ngày 250.000 đồng, phải trả 6.000.000 đồng (gốc 5.000.000 đồng, lãi 1.000.000 đồng), đã trả gốc 4.166.667 đồng, nợ gốc 833.333 đồng. Số tiền lãi thu được là 833.333 đồng (tiền lãi hợp pháp theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự là 20%/năm (0,0555%/ngày) là 55.667 đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 777.666 đồng).

Như vậy, L thu lợi bất chính 1.027.666 đồng (phí 250.000 đồng, lãi 777.666 đồng).

16. Bà Lê Thị Phương Th, sinh năm 1991, vay 02 lần mỗi lần 7.000.000 đồng trong thời gian tháng 3 và tháng 4 năm 2018 (vay 7.000.000 đồng trả góp 27 ngày mỗi ngày 300.000 đồng, phải trả 8.100.000 đồng (gốc 7.000.000 đồng, lãi 1.100.000 đồng)), tổng số tiền vay 14.000.000 đồng, đã trả gốc 12.185.185 đồng, nợ gốc 1.814.815 đồng. Số tiền lãi thu được là 1.914.815 đồng (tiền lãi hợp pháp theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự là 20%/năm (0,0555%/ngày) là 183.143 đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 1.731.672 đồng).

Như vậy, L thu lợi bất chính 2.531.672 đồng (phí 800.000 đồng, lãi 1.731.672 đồng).

17. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1965, vay 02 lần mỗi lần 3.000.000 đồng trong thời gian tháng 8 năm 2018 (vay 3.000.000 đồng trả góp 24 ngày mỗi ngày 150.000 đồng, phải trả 3.600.000 đồng (gốc 3.000.000 đồng, lãi 600.000 đồng)), tổng số tiền vay là 6.000.000 đồng, L không thu tiền phí, đã trả tiền gốc 5.250.000 đồng, nợ gốc 750.000 đồng. Số tiền lãi thu được là 1.050.000 đồng (tiền lãi hợp pháp theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự là 20%/năm (0,0555%/ngày) là 70.140 đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 979.860 đồng).

Như vậy, L thu lợi tiền lãi bất chính 979.860 đồng.

18. Bà Lê Ngọc D, sinh năm 1969, vay 03 lần mỗi lần 5.000.000 đồng trong thời gian tháng 3 và tháng 4 năm 2018 (vay 5.000.000 đồng trả góp 30 ngày, mỗi ngày 200.000 đồng, phải trả 6.000.000 đồng (gốc 5.000.000 đồng, lãi 1.000.000 đồng)), tổng số tiền vay 15.000.000 đồng, đã trả gốc 14.000.000 đồng, nợ gốc 1.000.000 đồng. Số tiền lãi thu được là 2.800.000 đồng (tiền lãi hợp pháp theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự là 20%/năm (0,0555%/ngày) là 233.800 đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 2.566.200 đồng).

Như vậy, L thu lợi bất chính 3.566.200 đồng (phí 1.000.000 đồng, lãi 2.566.200 đồng).

19. Bà Lê Thị Ngọc D, sinh năm 1974, vay 03 lần mỗi lần 5.000.000 đồng, trả góp 25 ngày, mỗi ngày 250.000 đồng, phải trả 6.250.000 đồng (gốc 5.000.000 đồng, lãi 1.250.000 đồng), tổng số tiền vay 15.000.000 đồng, đã trả gốc 13.600.000 đồng, nợ gốc 1.400.000 đồng. Số tiền lãi thu được là 3.400.000 đồng (tiền lãi hợp pháp theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự là 20%/năm (0,0555%/ngày) là 189.267 đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 3.210.733 đồng).

Như vậy, L thu lợi bất chính 3.660.733 đồng (phí 450.000 đồng, lãi 3.210.733 đồng).

20. Ông Lê Quang T, sinh năm 1993, vay số tiền 3.000.000 đồng vào tháng 7 năm 2019, trả góp 24 ngày, mỗi ngày 150.000 đồng, phải trả 3.600.000 đồng (gốc 3.000.000 đồng, lãi 600.000 đồng), đã trả tiền gốc 1.125.000 đồng, nợ gốc 1.875.000 đồng. Số tiền lãi thu được là 225.000 đồng (tiền lãi hợp pháp theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự là 20%/năm (0,0555%/ngày) là 15.030 đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 209.970 đồng).

Như vậy, L thu lợi bất chính 409.970 đồng (phí 200.000 đồng, lãi 209.970 đồng).

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Phú Giáo thu giữ:

- 01 điện thoại di động hiệu Nokia 1190 màu đen có gắn sim số 0919.973.305 và sim số 0384.954.989 do Nguyễn Thành L sử dụng vào việc phạm tội.

- 01 điện thoại di động hiệu Nokia TA1010 màu đen gắn sim số 0363.046.029 và 01 điện thoại di động hiệu iphone 7 màu vàng trắng có gắn sim số 0947.735.677 của Nguyễn Thành L không sử dụng để phạm tội.

- Số tiền 23.090.000 đồng của Nguyễn Thành L do phạm tội mà có

- 01 xe mô tô biển số 61K1-143.22 do Nguyễn Thành L mua tại Chi nhánh Công ty TNHH MTV Thanh Vương Phát thuộc phường Hòa Lợi, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương do ông Nguyễn Văn B làm Giám đốc, ông Bốn nhờ bà Lê Thị X đứng tên giữ L trong giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô. L sử dụng chiếc xe này vào việc phạm tội.

Đối với sổ sách ghi chép người vay và số tiền vay, Luân đã vứt bỏ nên Cơ quan điều tra không thu giữ được.

Ngoài ra, Nguyễn Thành L còn cho một số người vay nhưng L không xác định được họ tên, địa chỉ cụ thể. Do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Phú Giáo tiếp tục xác minh làm rõ xử lý sau.

Cáo trạng số 70/CT-VKSPG ngày 04 tháng 10 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương truy tố bị cáo Nguyễn Thành L về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 1 Điều 201 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo trong phần tranh luận giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 201 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt tiền bị cáo Nguyễn Thành L từ 60.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng.

Về xử lý vật chứng:

- 01 điện thoại di động hiệu Nokia 1190 màu đen có gắn sim số 0919.973.305 và sim số 0384.954.989 do Nguyễn Thành L sử dụng vào việc phạm tội cần tịch thu sung ngân sách nhà nước.

- 01 điện thoại di động hiệu Nokia TA1010 màu đen gắn sim số 0363.046.029 và 01 điện thoại di động hiệu iphone 7 màu vàng trắng có gắn sim số 0947.735.677 của Nguyễn Thành L không sử dụng để phạm tội nên trả lại cho Lưu.

- Số tiền 23.090.000 đồng của Nguyễn Thành L do phạm tội mà có cần tịch thu sung ngân sách nhà nước.

- 01 xe mô tô biển số 61K1-143.22 do Nguyễn Thành L mua tại Chi nhánh Công ty TNHH MTV Thanh Vương Phát thuộc phường Hòa Lợi, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương do ông Nguyễn Văn B làm Giám đốc, ông Bốn nhờ bà Lê Thị X đứng tên giữ L trong giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô. L sử dụng chiếc xe này vào việc phạm tội nên cần tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

- Số tiền gốc Nguyễn Thành L cho vay đã thu được là 313.400.185 đồng, số tiền lãi hợp pháp đã thu được là 4.540.730 đồng, số tiền phí thu được là 22.750.000 đồng. Xét thấy đây là tiền Nguyễn Thành L sử dụng vào việc phạm tội và do phạm tội mà có nên cần buộc L giao nộp để sung vào ngân sách nhà nước.

- Số tiền lãi bất hợp pháp là 57.609.085 đồng. Xét thấy, đây là tiền Nguyễn Thành L thu lãi vượt quá quy định của pháp luật nên buộc L trả lại cho Nguyễn Thị H số tiền 10.171.880 đồng, Châu Thị B số tiền 2.021.933 đồng, Nguyễn Thị S số tiền 13.842.467 đồng, Nguyễn Thị H số tiền 6.598.800 đồng, Võ Thị H số tiền 8.243.267 đồng, Nguyễn Thị Ng số tiền 61.100 đồng, Trần Thị Thúy Ph số tiền 3.110.667 đồng, Trần Thị H số tiền 1.435.850 đồng, Nguyễn Thị Bạch H số tiền 61.100 đồng, Trần Văn L số tiền 124.427 đồng, Nguyễn Thị Thục V số tiền 1.688.267 đồng, Lê Thị Kim L số tiền 377.733 đồng, Dương Thị Thùy L số tiền 244.400 đồng, Thân Thị Xuân V số tiền 151.093 đồng, Nguyễn Thị K số tiền 777.667 đồng, Lê Thị Phương Th số tiền 1.731.671 đồng, Nguyễn Thị H số tiền 979.860 đồng, Lê Ngọc D số tiền 2.566.200 đồng, Lê Thị Ngọc D số tiền 3.210.733 đồng, Lê Quang T số tiền 209.970 đồng.

- Số tiền 65.599.815 đồng là tiền gốc những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chưa trả cho L nhưng là tiền L dùng vào việc phạm tội nên cần buộc Nguyễn Thị H nộp lại số tiền 4.500.000 đồng, Châu Thị B nộp lại số tiền 9.166.667 đồng, Nguyễn Thị S nộp lại số tiền 5.833.333 đồng, Nguyễn Thị H nộp lại số tiền 4.000.000 đồng, Võ Thị H nộp lại số tiền 5.833.333 đồng, Nguyễn Thị Ng nộp lại số tiền 4.666.667 đồng, Trần Thị Thúy Ph nộp lại số tiền 3.333.333 đồng, Trần Thị H nộp lại số tiền 2.166.667 đồng, Nguyễn Thị Bạch H nộp lại số tiền 4.666.667 đồng, Trần Văn L nộp lại số tiền 3.333.333 đồng, Lê Thị Kim L nộp lại số tiền 3.400.000 đồng, Dương Thị Thùy L nộp lại số tiền 3.666.667 đồng, Thân Thị Xuân V nộp lại số tiền 3.360.000 đồng, Nguyễn Thị K nộp lại số tiền 833.333 đồng, Lê Thị Phương Th nộp lại số tiền 1.814.815 đồng, Nguyễn Thị H nộp lại số tiền 750.000 đồng, Lê Ngọc D nộp lại số tiền

1.000.000 đồng, Lê Thị Ngọc D nộp lại số tiền 1.400.000 đồng, Lê Quang T nộp lại số tiền 1.875.000 đồng để tịch thu nộp vào ngân sách nhà nước.

Bị cáo Nguyễn Thành L cho rằng Viện kiểm sát truy tố bị cáo về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 là đúng người, đúng tội và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Trong lời nói sau cùng, bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nên rất hối hận, ăn năn hối cải và mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các quyết định, hành vi tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung vụ án: Khoảng đầu năm 2018 đến tháng 7/2019, bị cáo Nguyễn Thành L cho người dân trên địa bàn huyện Phú Giáo vay số tiền là 379.000.000 đồng, thu lợi bất chính tổng số tiền 80.359.085 đồng (trong đó tiền phí 22.750.000 đồng, tiền lãi 57.609.085 đồng) với mức lãi suất gấp từ 10,44 đến 18 lần của mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự. Cách thức cho vay cụ thể như sau:

Vay 3.000.000 đồng trả góp trong 24 ngày, mỗi ngày phải trả 150.000 đồng, số tiền gốc và lãi phải trả là 3.600.000 đồng, thành 25%/tháng tương đương 300%/năm, cao gấp 15 lần của mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Vay 5.000.000 đồng trả góp trong 25 ngày, mỗi ngày 250.000 đồng, số tiền gốc và lãi phải trả là 6.250.000 đồng thành 30%/tháng tương đương 360%/năm, cao gấp 18 lần của mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Vay 7.000.000 đồng trả góp trong 27 ngày, mỗi ngày 300.000 đồng, số tiền gốc và lãi phải trả là 8.100.000 đồng thành 17,4%/tháng tương đương 208,8%/năm, cao gấp 10,44 lần của mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Vay 5.000.000 đồng trả góp trong 30 ngày, mỗi ngày 200.000 đồng, số tiền gốc và lãi phải trả là 6.000.000 đồng, thành 20%/tháng tương đương 240%/năm, cao gấp 12 lần của mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Vay 7.000.000 đồng trả góp trong 40 ngày, mỗi ngày 200.000 đồng, số tiền gốc và lãi phải trả là 8.000.000 đồng, thành 10,7%/tháng tương đương 128,4%/năm, cao gấp 6,42 lần của mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Thành L khai nhận: Nội dung Cáo trạng mà đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo công bố tại phiên tòa giống với Cáo trạng mà bị cáo đã nhận và phù hợp với diễn biến sự việc, hành vi của bị cáo. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cùng với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Về nhận thức, bị cáo biết được hành vi cho vay lãi nặng là vi phạm pháp luật nhưng cố ý thực hiện. Bị cáo đủ tuổi, đủ năng lực chịu trách nhiệm hành sự.

[3] Về tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hành sự đối với bị cáo: Hành vi của bị cáo đã lợi dụng hoàn cảnh kinh tế khó khăn của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan để cho vay với lãi suất cao hơn 05 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự. Hành vi của bị cáo không chỉ xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế mà còn làm ảnh hưởng tới an ninh trật tự tại địa phương.

Bị cáo cho vay đối với nhiều người, thu lợi bất chính số tiền 80.359.085 đồng, đây là tình tiết định khung của tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 1 Điều 201 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Với các tình tiết của vụ án được chứng minh tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có đủ chứng cứ kết luận bị cáo Nguyễn Thành L đã phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 1 Điều 201 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 đúng như nội dung Cáo trạng đã truy tố.

Xét động cơ, mục đích phạm tội vì tham lam, tư lợi, muốn có tiền tiêu xài để thỏa mãn nhu cầu cá nhân nhưng lười lao động bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội. Vì vậy, cần phải có mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo để cải tạo, giáo dục bị cáo, đồng thời nêu gương phòng ngừa chung cho xã hội.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hành sự đối với bị cáo: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hành sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hành sự đối với bị cáo: Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hành sự được quy định tại điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, Hội đồng xét xử xem xét giảm

nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo, để bị cáo thấy được chính sách khoan hồng của pháp luật.

[4] Xét mức án mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị đối với bị cáo là phù hợp với hành vi, tính chất, tình tiết của vụ án và có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp:

- 01 điện thoại di động hiệu Nokia 1190 màu đen có gắn sim số 0919.973.305 và sim số 0384.954.989 do Nguyễn Thành L sử dụng vào việc phạm tội cần tịch thu sung ngân sách nhà nước.

- 01 điện thoại di động hiệu Nokia TA1010 màu đen gắn sim số 0363.046.029 và 01 điện thoại di động hiệu iphone 7 màu vàng trắng có gắn sim số 0947.735.677 của Nguyễn Thành L khi ông sử dụng để phạm tội nên trả lại cho Lưu.

- Số tiền 23.090.000 đồng của Nguyễn Thành L do phạm tội mà có cần tịch thu sung ngân sách nhà nước.

- 01 xe mô tô biển số 61K1-143.22 do Nguyễn Thành L mua tại Chi nhánh Công ty TNHH MTV Thanh Vương Phát thuộc phường Hòa Lợi, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương do ông Nguyễn Văn B làm Giám đốc, ông Bốn nhờ bà Lê Thị X đứng tên giữ L trong giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô. L sử dụng chiếc xe này vào việc phạm tội nên cần tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

- Số tiền gốc Nguyễn Thành L cho vay đã thu được là 313.400.185 đồng, số tiền lãi hợp pháp đã thu được là 4.540.730 đồng, số tiền phí thu được là 22.750.000 đồng. Xét thấy đây là tiền Nguyễn Thành L sử dụng vào việc phạm tội và do phạm tội mà có nên cần buộc L giao nộp để sung vào ngân sách nhà nước.

- Số tiền lãi bất hợp pháp là 57.609.085 đồng. Xét thấy, đây là tiền Nguyễn Thành L thu lãi vượt quá quy định của pháp luật nên buộc L trả lại cho Nguyễn Thị H số tiền 10.171.880 đồng, Châu Thị B số tiền 2.021.933 đồng, Nguyễn Thị S số tiền 13.842.467 đồng, Nguyễn Thị H số tiền 6.598.800 đồng, Võ Thị H số tiền 8.243.267 đồng, Nguyễn Thị Ng số tiền 61.100 đồng, Trần Thị Thúy Ph số tiền 3.110.667 đồng, Trần Thị H số tiền 1.435.850 đồng, Nguyễn Thị Bạch H số tiền 61.100 đồng, Trần Văn L số tiền 124.427 đồng, Nguyễn Thị Thực V số tiền 1.688.267 đồng, Lê Thị Kim L số tiền 377.733 đồng, Dương Thị Thùy L số tiền 244.400 đồng, Thân Thị Xuân V số tiền 151.093 đồng, Nguyễn Thị K số tiền 777.667 đồng, Lê Thị Phương Th số tiền 1.731.671 đồng, Nguyễn Thị H số tiền 979.860 đồng, Lê Ngọc D số tiền 2.566.200 đồng, Lê Thị Ngọc D số tiền 3.210.733 đồng, Lê Quang T số tiền 209.970 đồng.

- Số tiền 65.599.815 đồng là tiền gốc những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chưa trả cho L nhưng là tiền L dùng vào việc phạm tội nên cần buộc Nguyễn Thị H nộp lại số tiền 4.500.000 đồng, Châu Thị B nộp lại số tiền 9.166.667 đồng, Nguyễn Thị S nộp lại số tiền 5.833.333 đồng, Nguyễn Thị H nộp lại số tiền 4.000.000 đồng, Võ Thị H nộp lại số tiền 5.833.333 đồng,

Nguyễn Thị Ng nộp lại số tiền 4.666.667 đồng, Trần Thị Th úy Ph nộp lại số tiền 3.333.333 đồng, Trần Thị H nộp lại số tiền 2.166.667 đồng, Nguyễn Thị Bạch H nộp lại số tiền 4.666.667 đồng, Trần Văn L nộp lại số tiền 3.333.333 đồng, Lê Thị Kim L nộp lại số tiền 3.400.000 đồng, Dương Thị Thùy L nộp lại số tiền 3.666.667 đồng, Th ân Thị Xu ân V nộp lại số tiền 3.360.000 đồng, Nguyễn Thị K nộp lại số tiền 833.333 đồng, Lê Thị Phương Th nộp lại số tiền 1.814.815 đồng, Nguyễn Thị H nộp lại số tiền 750.000 đồng, Lê Ngọc D nộp lại số tiền 1.000.000 đồng, Lê Thị Ngọc D nộp lại số tiền 1.400.000 đồng, Lê Quang T nộp lại số tiền 1.875.000 đồng để tịch thu nộp vào ngân sách nhà nước.

[6] Về án ph í Bị cáo phải nộp án ph í h ình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

V ì ác l ẽ tr ên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Về tội danh: Tuy ên bố bị cáo Nguyễn Th ành L phạm tội “Cho vay l ấ nặng trong giao dịch d ân sự”.

2. Về h ình phạt: Căn cứ vào khoản 1 Điều 201; các điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật H ình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Th ành L 60.000.000 đồng (sáu mươi triệu đồng) nộp vào ngân sách nhà nước.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, nếu bị cáo Nguyễn Th ành L chưa thi hành xong số tiền th ìh àng th áng c òn phải chịu khoản tiền l ấ của số tiền chưa thi hành với mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật D ân sự tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

3. Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 47 Bộ luật H ình sự và Điều 106 Bộ luật Tổ tụng h ình sự:

- Tịch thu, sung vào ngân sách nhà nước: 01 điện thoại di động hiệu Nokia 1190 màu đen (số imei: 354195106657695) có gắn sim số 0919.973.305 và sim số 0384.954.989 của Nguyễn Th ành L.

- Tịch thu, sung vào ngân sách nhà nước: Số tiền 23.090.000 đồng (hai mươi ba triệu không trăm chín mươi ngàn đồng) của Nguyễn Th ành L.

- Tịch thu, sung vào ngân sách nhà nước: 01 xe mô tô biển số 61K1-143.22 , số khung RLHJA3900HY582488, số máy JA39E-0557629 của Nguyễn Th ành L.

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Th ành L: 01 điện thoại di động hiệu Nokia TA1010 màu đen (số imei: 355763103998112) gắn sim số 0363.046.029 và 01 điện thoại di động hiệu iphone 7 màu vàng trắng có gắn sim số 0947.735.677 (niên phong có chữ ký của Vũ Tử Long, Phạm Thị Hồng và dấu đỏ của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Gi á).

- Buộc bị cáo Nguyễn Thành L nộp lại số tiền gốc cho vay đã thu được là 313.400.185 đồng, số tiền lãi hợp pháp đã thu được là 4.540.730 đồng, số tiền phí thu được là 22.750.000 đồng để sung vào ngân sách nhà nước.

- Buộc bị cáo Nguyễn Thành L trả lại cho Nguyễn Thị H số tiền 10.171.880 đồng, Châu Thị B số tiền 2.021.933 đồng, Nguyễn Thị S số tiền 13.842.467 đồng, Nguyễn Thị H số tiền 6.598.800 đồng, Võ Thị H số tiền 8.243.267 đồng, Nguyễn Thị Ng số tiền 61.100 đồng, Trần Thị Thúy Ph số tiền 3.110.667 đồng, Trần Thị H số tiền 1.435.850 đồng, Nguyễn Thị Bạch H số tiền 61.100 đồng, Trần Văn L số tiền 124.427 đồng, Nguyễn Thị Thục V số tiền 1.688.267 đồng, Lê Thị Kim L số tiền 377.733 đồng, Dương Thị Thùy L số tiền 244.400 đồng, Thân Thị Xuân V số tiền 151.093 đồng, Nguyễn Thị K số tiền 777.667 đồng, Lê Thị Phương Th số tiền 1.731.671 đồng, Nguyễn Thị H số tiền 979.860 đồng, Lê Ngọc D số tiền 2.566.200 đồng, Lê Thị Ngọc D số tiền 3.210.733 đồng, Lê Quang T số tiền 209.970 đồng.

- Buộc Nguyễn Thị H nộp lại số tiền 4.500.000 đồng, Châu Thị B nộp lại số tiền 9.166.667 đồng, Nguyễn Thị S nộp lại số tiền 5.833.333 đồng, Nguyễn Thị H nộp lại số tiền 4.000.000 đồng, Võ Thị H nộp lại số tiền 5.833.333 đồng, Nguyễn Thị Ng nộp lại số tiền 4.666.667 đồng, Trần Thị Thúy Ph nộp lại số tiền 3.333.333 đồng, Trần Thị H nộp lại số tiền 2.166.667 đồng, Nguyễn Thị Bạch H nộp lại số tiền 4.666.667 đồng, Trần Văn L nộp lại số tiền 3.333.333 đồng, Lê Thị Kim L nộp lại số tiền 3.400.000 đồng, Dương Thị Thùy L nộp lại số tiền 3.666.667 đồng, Thân Thị Xuân V nộp lại số tiền 3.360.000 đồng, Nguyễn Thị K nộp lại số tiền 833.333 đồng, Lê Thị Phương Th nộp lại số tiền 1.814.815 đồng, Nguyễn Thị H nộp lại số tiền 750.000 đồng, Lê Ngọc D nộp lại số tiền 1.000.000 đồng, Lê Thị Ngọc D nộp lại số tiền 1.400.000 đồng, Lê Quang T nộp lại số tiền 1.875.000 đồng để tịch thu nộp vào ngân sách nhà nước.

(Thể hiện tại Biên bản giao nhận vật chứng ngày 07/10/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Giáo và Ủy nhiệm chi chuyển khoản, chuyển tiền điện tử ngày 07/10/2019 vào tài khoản Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Giáo).

4. Về án phí Áp dụng các Điều 135, 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo Nguyễn Thành L phải nộp 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân*

*sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bình Dương; (1)
- VKSND tỉnh Bình Dương; (1)
- Sở tư pháp tỉnh Bình Dương; (1)
- PV06 Công an tỉnh Bình Dương; (1)
- VKSND huyện Phú Giã; (1)
- Công an huyện Phú Giã; (2)
- Chi cục THADS huyện Phú Giã; (1)
- Những người tham gia tố tụng; (21)
- Lưu hồ sơ, VP. (2)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Bùi Văn Quế**